

QUY NH

**v qu n lý, s d ng m ng thông tin di n r ng
c a T nh y Khánh Hòa**

- C n c Quy t nh 15-Q /CNTT ngày 27/02/1999 c a Tr ng ban ch o Công ngh thông tin c a c quan ng ban hành Quy ch v qu n lý, khai thác và b o v m ng thông tin di n r ng c a V n phòng Trung ng ng;

- C n c Quy nh 317-Q /TW ngày 23/07/2010 c a Ban Ch p hành Trung ng v qu n lý, khai thác, s d ng c s d li u v n ki n ng trên m ng thông tin di n r ng c a ng;

- C n c Quy nh 01-Q /VPTW, ngày 07/04/2011 c a V n phòng Trung ng ng quy nh v vi c g i, nh n v n b n trên m ng thông tin di n r ng c a ng;

- C n c Quy ch làm vi c c a Ban Ch p hành ng b t nh Khánh Hòa khóa XVI, nhi m k 2010 – 2015;

- Xét ngh c a V n phòng T nh y,

Ban Th ng v T nh y ban hành Quy nh v qu n lý, s d ng m ng thông tin di n r ng c a T nh y Khánh Hòa, nh sau:

CH NG I

NH NG QUY NH CHUNG

i u 1: nh ngh a, m c ích

1- M ng Thông tin di n r ng (vi t t t là m ng TTDR) c a T nh y Khánh Hòa là m t b ph n quan tr ng c u thành m ng TTDR c a ng C ng s n Vi t Nam. M ng TTDR c a T nh y k t n i trung tâm m ng c a V n phòng T nh y v i m ng máy tính c a các ban xây d ng ng thu c T nh y, các huy n th thành y, ng y tr c thu c, ng y các xã, ph ng, th tr n trong t nh; k t n i t i các c quan Trung ng ng, các t nh, thành y ph c v s lãnh o, ch o c a T nh y và c p y ng các c p trong

t nh; ph c v công tác nghiên c u, qu n lý và i u hành công vi c c a các c quan tham m u, giúp vi c c p y.

V n phòng T nh y ch u trách nhi m tr c Ban Th ng v T nh y v ch o tr c ti p h th ng m ng TTDR T nh y. Phòng Công ngh thông tin là b ph n t ch c th c hi n các ch c n ng nhi m v c th trên h th ng m ng theo s i u hành và ch o c a lãnh o V n phòng T nh y.

M ng TTDR T nh y không n m trong h th ng qu n lý và i u hành c a m ng tin h c di n r ng UBND t nh; c thi t l p, k t n i và b o m t theo úng mô hình h ng đ n ng nh t cho t t c các t nh, thành y thu c kh i ng c a V n phòng Trung ng.

2- M ng TTDR c a T nh y Khánh Hòa c xây d ng nh m m c ích:

- T o i u ki n cán b công ch c, nhân viên trong các c quan ng nâng cao nh n th c và k n ng ng d ng công ngh thông tin, nâng cao hi u su t công vi c và ti t ki m th i gian trong vi c th c hi n nhi m v , công vi c chuyên môn.

- H tr ho t ng t t nh n huy n trong vi c t ch c và i u hành công vi c c a c p y thông qua vi c qu n lý và theo dõi quá trình x lý công v n i, công v n n, n th thu c ch c n ng, nhi m v c a c p y;

- m b o vi c trao i thông tin gi a các c quan ng, gi a lãnh o, chuyên viên, cán b trong các c quan ng c thu n l i, k p th i và chính xác;

- T o i u ki n lãnh o, chuyên viên d dàng khai thác thông tin t c s đ li u (vi t t t CSDL) c a lên m ng n i b nh : Th i n t , x lý công v n, g i nh n v n b n, v n ki n ng các c p, m c l c h s l u tr , ch ng trình công tác, thông tin ph c v lãnh o, công báo Chính ph , v n b n pháp quy t nh Khánh Hòa...

i u 2: Các ph n m m tri n khai trên M ng Thông tin di n r ng c a T nh y

1- Th ng tr c T nh y quy t nh vi c tri n khai các ng d ng c th trên m ng TTDR T nh y phù h p v i tính ch t yêu c u công vi c c a T nh y.

2- Các ng d ng hi n c tri n khai trên m ng TTDR c a T nh y bao g m:

- Các ph n m m dùng chung: V n phòng T nh y có trách nhi m tri n khai các ph n m m dùng chung do Ban Ch o Công ngh thông tin c a c quan ng, V n phòng Trung ng ng chuy n giao, g m: Ph n m m h thông tin i u hành tác nghi p Lotus Notes, Webmail.

- Các hình thức thông tin và CSDL chuyên ngành do các ban ngành Trung ương chuyên giao, gồm: Các phần mềm chuyên ngành Kiểm tra, Thuế, Tuyên giáo, Dân vận do các ban xây dựng chuyên ngành trực tiếp triển khai và sử dụng có hiệu quả.

Điểm 3: Về công cụ, nền tảng và môi trường TTDR Tỉnh

- Các cơ quan ngành trong tỉnh tham gia môi trường TTDR Tỉnh có trách nhiệm sử dụng hình thức phần mềm hình thức thông tin để hành tác nghiệp phổ biến quy định chung, gồm: Chương trình xử lý công văn cấp tỉnh, lưu trữ, xử lý công văn, nền tảng và sử dụng chương trình công cụ, nền tảng và thiết bị tin tức có nội dung không mang tính cá nhân, các cá nhân tham gia sử dụng môi trường TTDR Tỉnh và cấp tỉnh và ban hành lên CSDL vận chuyển các ngành, cơ quan mình.

- Về công cụ, nền tảng và môi trường TTDR địa phương Tỉnh các thiết bị hiện theo đúng quy định của Trung ương về công cụ, nền tảng và môi trường TTDR cấp tỉnh.

Vấn đề truy cập nền tảng TTDR cấp Tỉnh phải có số lượng phần mềm Microsoft Office hoặc ứng dụng, chuẩn mã nguồn, phong cách theo quy định tại Quyết định 72/2002/QĐ-TTg, ngày 10/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thống nhất dùng bộ mã các ký tự Việt theo chuẩn TCVN 6909:2001. Vấn đề phải mở rộng các yếu tố quy định theo Quyết định 91-QĐ/TW, ngày 16/02/2004 của Ban Bí thư về thi lo, thi m quy định ban hành vận dụng, Hướng dẫn 11-HD/VPTW, ngày 28/5/2004 của Văn phòng Trung ương về thi thi vận dụng.

Điểm 4: Bảo mật các ngành và Nhà nước

Tập tin tin tức bao gồm các tập tin .doc, .xls, .pdf, tập tin, v.v... phải có bảo mật an toàn và bảo mật theo quy định. Việc xác định mật các tài liệu thiết bị hiện theo các quy định hiện hành của ngành và Nhà nước, người số lượng xuất và người ký vận dụng.

Mỗi người tham gia môi trường thông tin của Tỉnh phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc gìn giữ mật các ngành và Nhà nước theo đúng các quy định hiện hành về bảo mật các ngành và Nhà nước.

Điểm 5: Sản phẩm, bảo hành, thanh lý, chuyển mục đích sử dụng máy tính

Các máy tính khi tham gia vào môi trường tin tức địa phương của Tỉnh khi thanh lý hoặc em đi bảo hành hoặc chuyển sang mục đích sử dụng

khác thì nh t thi t ph i gi l i thi t b l u tr d li u (a c ng và các thi t b l u tr d li u khác) nh m m b o vi c b o m t, tránh l l t thông tin.

Vi c b o hành, s a ch a, cài t các ph n m m c b n (h i u hành, ph n m m so n th o v n b n, font ch Vi t...) cho các máy tr m trên m ng do n v bán máy ti n hành d i s giám sát k thu t c a cán b ph trách công ngh thông tin c a n v tr c khi n v bán máy ti n hành b o hành, s a ch a, cài t cho n v ch qu n.

CH NG II

QU N LÝ VÀ B O V M NG THÔNG TIN DI N R NG T NH Y

i u 6: Yêu c u chung i v i các cá nhân, c quan, n v khi tham gia s d ng m ng TTDR T nh y

- Có trách nhi m qu n lý, b o v các trang thi t b máy tính, m ng máy tính, các ph n m m, CSDL khi c giao s d ng. Tuy t i không c t ý k t n i tr c ti p h th ng m ng TTDR T nh y v i m ng internet và các h th ng m ng khác.

- Các máy tr m, máy ch k t n i m ng TTDR c a T nh y ph i c cài ph n m m di t virus hi u qu . Không c cài t trên máy tr m, máy ch các ph n m m không có b n quy n, ph n m m không rõ ngu n g c ho c thay i các thông s k thu t gây xung t h th ng và tài nguyên trên m ng.

- N m v ng và th c hi n úng quy ch , quy trình v tri n khai các ng d ng trên m ng; ch u trách nhi m v tính chính xác, tính b o m t c a các thông tin do mình a lên m ng; không c a các thông tin có n i dung m t, tuy t m t và t i m t lên m ng.

- Không ti t l m t kh u riêng c a mình và ch u trách nhi m v toàn b n i dung thông tin trao i t hòm th cá nhân. Không t ý s d ng hòm th , tài kho n c a ng i khác.

- Tuy t i nghiêm c m vi c s d ng m ng c a T nh y lan truy n, phát tán các thông tin không h p pháp, ch ng phá l i các ch tr ng, ng l i, chính sách, pháp lu t c a ng và Nhà n c, lây nhi m virus, g i th rác ...v.v.

- Các tr ng h p do y u t khách quan x y ra nh : M t i n l i, thiên tai, h a ho n ho c s c h th ng d n n không th truy n nh n thông tin qua m ng, các cá nhân, n v ph i có trách nhi m thông báo, xu t ph ng th c, th i gian truy n nh n thông tin v b ph n v n th (Phòng Hành chính) c a V n phòng T nh y, có ph ng án g i nh n thông tin, b o m thông tin liên l c thông su t và k p th i.

- Các trung tâm máy chủ phải có phòng riêng, bố trí tiêu chuẩn về diện tích, nhiệt độ, độ ẩm, độ ồn, hệ thống chống sét, chống cháy nổ.

- Khi không có nhu cầu sử dụng các trang thiết bị máy tính, mạng máy tính thì phải tắt thiết bị máy tính để đảm bảo an toàn thiết bị và tiết kiệm điện.

- Cá nhân sử dụng mạng TTDR Thành phố không được phép sao chép các tài liệu, văn bản nội bộ của cơ quan sang các mạng máy tính khác.

- Đối với các máy trạm thuộc máy kế toán, văn phòng phải hạn chế sử dụng các thiết bị lưu trữ ngoài (usb, ổ cứng ngoài) cắm vào máy mà chưa kiểm tra tính an toàn thiết bị. Nếu cần sao lưu dữ liệu cần liên hệ với bộ phận chuyên môn công nghệ thông tin giúp đỡ.

- Các cá nhân khi tham gia khai thác ứng dụng trên mạng nội bộ phải chấp hành nghiêm chỉnh các quy định sao lưu dữ liệu của mình phòng ngừa mất dữ liệu do hỏng ổ cứng.

Điều 7: Trách nhiệm của Văn phòng Thành phố

1- Quản lý chặt chẽ việc bố trí, bổ nhiệm thông tin trên mạng TTDR Thành phố.

2- Xây dựng các văn bản hướng dẫn chi tiết, tổ chức các lớp tập huấn cho việc triển khai các ứng dụng trên mạng; tổ chức việc theo dõi, kiểm tra các nội dung thực hiện Quy định; nhắc nhở, nhắc nhở rút kinh nghiệm và báo cáo với Thành phố về Thành phố về tình hình thực hiện quy định kịp thời bổ sung, điều chỉnh nội dung văn bản chi tiết.

3- Phối hợp với các ban ngành và các cơ quan trực thuộc Thành phố, chỉ đạo việc tổ chức, xây dựng và quản trị các CSDL, phần mềm ứng dụng phục vụ cho việc khai thác thông tin trên mạng ngày càng có hiệu quả thiết thực.

4- Phối hợp chặt chẽ với Trung tâm Công nghệ thông tin Văn phòng Trung ương và các cơ quan khác có liên quan nghiên cứu các văn bản bổ sung thông tin, tổng hợp hoàn thiện các ứng dụng mới và phát triển các ứng dụng mới trên mạng.

5- Kiểm tra, giám sát các cá nhân, nhân viên việc thực hiện các quy định, quy chế của Trung ương, của Thành phố về việc quản lý, khai thác sử dụng và bảo vệ mạng TTDR của Thành phố.

Điều 8: Trách nhiệm của các ban xây dựng Đảng; các huyện, thành phố; các đơn vị trực thuộc Thành phố; ngành trực thuộc và ngành xã phường thị trấn

1- Các ban xây dựng Đảng của Thành phố; các huyện, thị xã, thành phố; các đơn vị trực thuộc Thành phố; ngành trực thuộc có trách nhiệm tham mưu cho ban

m c ích ph c v công vi c, m b o yêu c u quy nh t i i u 6 c a Quy nh này.

i u 11: S d ng ch ng trình g i, nh n v n b n

Ch ng trình dùng g i, nh n các v n b n có tính pháp quy gi a các c quan ng trong t nh; các v n b n g i trên m ng c quy nh t i i u 3 c a Quy nh này.

V n b n, tài li u g i nh n trên ng d ng ph i c v n th ki m tra tính h p th c c a v n b n, vào s ng ký công v n n trên máy tính r i chuy n k p th i n các ng chí lãnh o, chuyên viên x lý. Các v n b n có n i dung *m t, t i m t, tuy t m t* ph i do c y u mã hóa g i qua m ng c y u ho c g i qua ng b u i n.

i u 12: S d ng ch ng trình x lý công v n

Ch ng trình này dùng x lý các v n b n i, n, v n b n n i b gi a lãnh o, cán b , chuyên viên, nhân viên trong m i n v và th c hi n theo quy trình x lý công v n do V n phòng Trung ng ng xây d ng và chuy n giao.

i u 13: S d ng ch ng trình x lý n th khi u t

Ch c n ng c a ch ng trình x lý n th khi u n i t cáo c p nh t, x lý, qu n lý các n th khi u n i t cáo c a công dân, t ch c g i n c p y.

- Chuyên viên ph trách công tác n i chính v n phòng c p y có trách nhi m c p nh t, x lý, qu n lý, th ng kê, tham m u xu th ng gi i quy t các n th khi u n i t cáo c a công dân, t ch c g i n c p y.

- Cán b c giao s d ng ph n m m có trách nhi m, qu n lý, b o m t thông tin và c p nh t k p th i các n th khi u n i, t cáo.

i u 14: CSDL v n ki n ng

CSDL v n ki n ng c qu n lý, khai thác úng theo Quy nh s 317-Q /TW, ngày 23/7/2010 c a Ban Bí th Trung ng ng (khóa X) v qu n lý, khai thác, s d ng CSDL v n ki n ng trên m ng TTDR c a ng.

i u 15: Các ch ng trình ph n m m chuyên ngành c a các ban xây d ng ng.

Các ban xây d ng ng t tri n khai các ng d ng chuyên ngành t vi c t ch c t p hu n, h ng d n s d ng t i n v mình. V n phòng T nh y ch ch u trách nhi m h tr vi c thông m ng, qu n lý, cài t máy ch và sao l u d li u nh k .

Việc sử dụng, quản lý công trình phần mềm chuyên ngành do các ban xây dựng ngành của Trung ương chuyên giao phần mềm cho các cấp, xã, lý, báo cáo báo cáo tổng kết, yêu cầu và quy định của các ban xây dựng ngành Trung ương.

CHƯƠNG IV TỔNG KẾT CÔNG VIỆC

Điều 16: Các cấp ủy chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thực hiện quy định quản lý và sử dụng mạng TTDR của Trung ương. Trong công tác, cấp ủy phải nâng cao năng lực lãnh đạo, nâng cao chất lượng, hiệu quả trong việc sử dụng tin tức các thông tin, tài liệu internet, giảm thiểu chi phí, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác nghiên cứu, chuyên môn, phát triển các hình thức văn phòng internet, giao ban, hội nghị trực tuyến, công tác quản lý thông tin và chi phí trực tiếp.

Chỉ đạo cấp ủy, thủ trưởng cơ quan có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện, chịu trách nhiệm trực tiếp cấp ủy và cấp ủy cấp trên về đảm bảo an toàn, an ninh thông tin của cơ quan, đơn vị mình. Không cán bộ, công viên và các internet khác sử dụng mạng công nghệ thông tin của cơ quan trái quy định, kết nối internet, làm lộ, lọt thông tin ra bên ngoài hệ thống nội bộ.

Điều 17: Hằng 6 tháng, các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện báo cáo tình hình ứng dụng công nghệ thông tin của cấp ủy, đơn vị mình về Văn phòng Trung ương tổng hợp báo cáo Ban Thường vụ Trung ương xem xét cho ý kiến ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong các cơ quan.

Điều 18: Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quy định nội bộ 09-QC/TU, ngày 25/5/2000 của Trung ương Khánh Hòa. Các ban ngành, cơ quan trực thuộc Trung ương, các huyện, thị, thành phố, ngành trực thuộc, các tổ chức, đơn vị, đoàn thể trong tỉnh có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ**

Nội dung:

- Văn phòng Trung ương,
- Ban CNTT các cơ quan TW,
- Các ban xây dựng,
- Các huyện, thị, thành phố,
- Các ngành trực thuộc Trung ương,
- Mặt trận và đoàn thể tỉnh,
- Lưu VPTU.

ã ký **Nguyễn Tấn Tuân**